

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018



**MỤC LỤC**

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 38



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG**

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Sa Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Sa Giang là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400469817 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp. Trong quá trình hoạt động do có sự thay đổi về vốn và ngành nghề kinh doanh với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 11 vào ngày 30 tháng 11 năm 2018.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
- Điện thoại : 0277.3763.155
- Fax : 0277.3763.152

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất thực phẩm: bánh phồng tôm, hủ tiếu, bánh phở, đu đủ sấy.
- Mua bán thực phẩm: bánh phồng tôm, hủ tiếu, bánh phở, đu đủ sấy.

**2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / tái bổ nhiệm
Ông Phạm Hữu Quá	Chủ tịch	Ngày 10 tháng 04 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Kiệt	Thành viên	Ngày 10 tháng 04 năm 2014
Ông Mai Hoàng Tâm	Thành viên	Ngày 10 tháng 04 năm 2014
Ông Lê Văn Phúc	Thành viên	Ngày 10 tháng 04 năm 2014
Ông Phạm Thanh Hùng	Thành viên	Ngày 10 tháng 04 năm 2014
Ông Phạm Thành Đô	Thành viên	Ngày 10 tháng 04 năm 2014
Ông Nguyễn Ngọc Vũ Chương	Thành viên	Ngày 10 tháng 04 năm 2014

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / tái bổ nhiệm
Bà Huỳnh Thị Bé Ngọc	Trưởng ban	Ngày 26 tháng 04 năm 2016
Bà Hồng Lệ Vân	Thành viên	Ngày 26 tháng 04 năm 2016
Ông Nguyễn Dương Thảo	Thành viên	Ngày 26 tháng 04 năm 2016

995-  
NG T  
EM H  
TOA  
IẾT  
NHÀ  
N TH  
3-T

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Kiệm	Tổng Giám đốc	Ngày 10 tháng 04 năm 2017
Ông Mai Hoàng Tâm	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 10 tháng 04 năm 2017
Bà Mặt Bích Khuầy	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 10 tháng 04 năm 2017

### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Kiệm	Tổng Giám đốc	Ngày 10 tháng 04 năm 2017

### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### **4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

### **5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – CN Cần Thơ được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

### **6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

---

### **7. Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị,



**PHẠM HỮU QUÁ**  
Chủ tịch

Sa Đéc, ngày 18 tháng 02 năm 2019



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam

AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế

Member firm of PKF International



Accountants & business advisers

Số: 032/2019/BCKT- CT.00011

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông**  
**Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Sa Giang (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 02 năm 2019, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Sa Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**TRANG ĐẮC NHA**  
**Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CN CẦN THƠ

Thành Phố Cần Thơ, ngày 18 tháng 02 năm 2019

**NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2018-009-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>87.748.745.063</b>	<b>91.510.864.836</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>5.626.216.647</b>	<b>20.277.284.341</b>
Tiền	111		5.626.216.647	20.277.284.341
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>41.848.753.797</b>	<b>43.584.763.449</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	38.010.195.483	31.454.712.975
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	3.911.717.110	12.418.130.178
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	869.821.873	589.412.339
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(942.980.669)	(877.492.043)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>36.490.831.929</b>	<b>24.308.188.258</b>
Hàng tồn kho	141	5.6	36.490.831.929	24.308.188.258
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.782.942.690</b>	<b>3.340.628.788</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	805.075.453	1.966.368.684
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.977.867.237	1.374.260.104
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>74.716.200.588</b>	<b>69.521.063.204</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>63.493.312.539</b>	<b>61.499.415.399</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	63.493.312.539	61.499.415.399
Nguyên giá	222		125.213.998.609	113.404.352.931
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(61.720.686.070)	(51.904.937.532)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>4.440.772.936</b>	<b>3.813.353.606</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	4.440.772.936	3.813.353.606
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.782.115.113</b>	<b>4.208.294.199</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	5.946.146.329	3.274.236.525
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.10	835.968.784	934.057.674
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>162.464.945.651</b>	<b>161.031.928.040</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>60.683.602.240</b>	<b>42.507.846.902</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>56.131.535.864</b>	<b>37.877.555.876</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	8.872.512.065	6.995.548.249
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	2.224.285.933	3.629.843.108
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	2.625.039.936	2.273.174.574
Phải trả người lao động	314		5.297.919.643	5.994.520.495
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	688.410.986	996.583.449
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	786.487.998	2.700.802.462
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	33.420.291.335	11.552.858.455
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.17	2.216.587.968	3.734.225.084
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.552.066.376</b>	<b>4.630.291.026</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.18	4.052.066.376	4.130.291.026
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		500.000.000	500.000.000





CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

**BAO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2018	2017
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	6.1	<b>288.758.174.159</b>	<b>290.732.079.180</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	267.160.943	1.966.161.037
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>288.491.013.216</b>	<b>288.765.918.143</b>
Giá vốn hàng bán	11	6.3	236.611.141.276	227.565.713.532
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>51.879.871.940</b>	<b>61.200.204.611</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	538.825.626	769.622.466
Chi phí tài chính	22	6.5	1.197.935.110	1.129.517.422
Trong đó: chi phí lãi vay	23		655.485.889	872.554.619
Chi phí bán hàng	25	6.6	13.625.058.031	13.837.570.038
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	9.747.841.101	9.711.176.418
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>27.847.863.324</b>	<b>37.291.563.199</b>
Thu nhập khác	31	6.8	1.107.800.366	600.016.868
Chi phí khác	32	6.9	119.829.357	380.586.781
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>987.971.009</b>	<b>219.430.087</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.835.834.333	37.510.993.286
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.13	5.762.854.553	7.548.681.874
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	6.10	98.088.890	131.239.605
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>22.974.890.890</b>	<b>29.831.071.807</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	6.11	<b>3.214</b>	<b>3.617</b>



**NGUYỄN VĂN SANG**  
Người lập biểu



**NGUYỄN NGỌC HUYỀN TRANG**  
Kế toán trưởng



**NGUYỄN VĂN KIÊM**  
Giám đốc

Sa Đéc, ngày 18 tháng 2 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

**BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2018	2017
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>28.835.834.333</b>	<b>37.510.993.286</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		10.350.210.817	8.930.454.010
Các khoản dự phòng	03		(12.736.024)	(1.218.275.738)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		577.200.477	(32.178.426)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(227.195.073)	(87.463.789)
Chi phí lãi vay	06		655.485.889	872.554.619
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>40.178.800.419</b>	<b>45.976.083.962</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		141.836.584	7.691.276.523
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(12.182.643.671)	2.624.798.459
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(174.452.003)	1.038.580.409
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.510.616.573)	(1.106.607.961)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(655.485.889)	(872.554.619)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.814.046.178)	(5.423.313.100)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.246.910.536)	(1.833.747.629)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>12.736.482.153</b>	<b>48.094.516.044</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(13.105.890.063)	(13.654.028.797)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		227.272.727	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.023.242	318.048.222
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(12.863.594.094)</b>	<b>(13.335.980.575)</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

**BAO CAO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2018	2017
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	86.270.723.268	68.637.388.425
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(64.996.551.745)	(83.565.185.496)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(35.737.900.000)	(22.872.256.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(14.463.728.477)</b>	<b>(37.800.053.071)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(14.590.840.418)</b>	<b>(3.041.517.602)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>20.277.284.341</b>	<b>23.286.623.517</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(60.227.276)	32.178.426
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>5.626.216.647</b>	<b>20.277.284.341</b>



**NGUYỄN VĂN SANG**  
Người lập biểu



**NGUYỄN NGỌC HUYỀN TRANG**  
Kế toán trưởng



**NGUYỄN VĂN KIỆM**

Giám Đốc

Sa Đéc, ngày 18 tháng 2 năm 2019



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Sa Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất.

### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất thực phẩm: bánh phồng tôm, hủ tiếu, bánh phở, đậu đũa sấy.
- Mua bán thực phẩm: bánh phồng tôm, hủ tiếu, bánh phở, đậu đũa sấy.

### 1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

### 1.5 Cấu trúc của Công ty

#### Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	483 Tên Lửa, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Bánh Phồng Tôm Sa Giang 1	Lô CII-3, Đường số 5, Khu công nghiệp C, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp
Xí nghiệp Bánh Phồng Tôm Sa Giang 2	Lô III-2 và Lô III-3, Khu A1, Khu công nghiệp Sa Đéc, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp
Xí nghiệp Sa Giang Food	Lô III-2 và Lô III-3, Khu A1, Khu công nghiệp Sa Đéc, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

### 1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước

### 1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng số nhân viên của Công ty là 526 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 là 532 người).

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1 Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm tài chính từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

#### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:  
Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 đến dưới 02 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, các chi phí trực tiếp
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất sản phẩm.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

### Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

### Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (49 năm)

### 4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	07 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	05 – 10 năm
Phương tiện vận tải	06 năm
Thiết bị truyền dẫn	10 năm

### 4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 4.10 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí quản lý.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty chủ yếu là: Chi phí dự phòng trợ cấp mất việc làm và chi phí hoàn nguyên.

### 4.11 Quý phát triển khoa học công nghệ

Quý phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
  - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
  - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo qui định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
  - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
  - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ bằng 10% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau. Trong năm, Công ty không có trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

### 4.12 Vốn chủ sở hữu

#### Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

#### Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

### 4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

#### Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

### 4.17 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### **4.18 Công cụ tài chính**

#### **Tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty chỉ có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### **Nợ phải trả tài chính**

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty chỉ có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### **Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### **4.19 Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty và các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

<b>Công ty/ đối tượng</b>	<b>Quan hệ</b>
Công ty TNHH TM Thực Phẩm Phong Phú	Giám đốc là Ông Phạm Thanh Hùng (Hiện là Thành viên Hội đồng Quản trị)
Cửa hàng Sa Giang	Chủ cửa hàng là Ông Phạm Thanh Hùng (Hiện là Thành viên Hội đồng Quản trị)
Công ty CP Sách Và Thiết Bị Đồng Tháp	Ông Phạm Hữu Quá là Chủ tịch Hội đồng quản trị (Hiện là Chủ tịch Hội đồng quản trị)
Công ty TNHH Thiên Minh Phúc	Giám đốc là Ông Lê Văn Phúc (Hiện Thành viên Hội đồng quản trị)
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	VND	VND
Tiền mặt		
- VND	279.205.138	587.189.874
- USD (i)	423.482.676	241.630.432
- EUR (i)	29.929.647	29.282.593
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- VND	2.820.707.127	17.252.088.689
- USD (i)	2.072.892.059	2.167.092.753
	<b>5.626.216.647</b>	<b>20.277.284.341</b>

(i) Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2018:

	<b>Gốc ngoại tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
Tiền mặt		
- USD	18.296,94	423.482.676
- EUR	1.135,85	29.929.647
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – USD	89.558,97	2.072.892.059
		<b>2.526.304.382</b>

**5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	VND	VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>		
Công ty TNHH TM Thực Phẩm Phong Phú	3.495.058.109	3.808.698.641
Công ty CP Sách Và Thiết Bị Đồng Tháp	-	500.005
Cửa hàng Sa Giang	463.373.200	945.780.146
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Hợp Phát	11.170.831.794	7.458.185.025

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty TNHH Thực Phẩm Pepsico Việt Nam	3.468.410.000	3.609.067.000
Sibell	2.622.050.760	3.427.265.310
VERSHOLD POLAND SP.Z.O.O	4.371.553.536	-
Đối tượng khác	(i) 12.418.918.084	12.205.216.848
	<b>38.010.195.483</b>	<b>31.454.712.975</b>

(i) Trong đó, khách hàng có số nguyên tệ gốc USD là 341.036,18 tương đương 7.893.282.387 VND

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán khác</b>		
Công ty TNHH SX Tinh Bột Khoai Mì Bình Minh	-	9.273.330.000
Công ty TNHH MTV Hồng Châu Sa Đéc	853.600.000	290.896.000
Công ty TNHH TP Công Nghệ Minh Tâm	768.000.000	-
Công ty TNHH XNK TM Công Nghệ DV Hùng Duy	1.315.600.000	-
Công ty TNHH SX - TM - XNK Tân Bách Đạt	509.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	465.517.110	2.853.904.178
	<b>3.911.717.110</b>	<b>12.418.130.178</b>

**5.4 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Phải thu về tạm ứng	496.467.068	-	387.608.353	-
Phải thu tiền BHXH, BHYT, BHTN của người lao động	209.130.477	-	175.366.986	-
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	164.224.328	-	-	-
Phải thu tiền bồi thường	-	-	26.437.000	-
	<b>869.821.873</b>	<b>-</b>	<b>589.412.339</b>	<b>-</b>

**5.5 Nợ xấu**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ phải thu quá hạn từ 1 đến 2 năm</b>				
Công ty TNHH Giải Pháp Hàng Hóa Sài Gòn	8.547.792	4.273.896	-	-
<b>Nợ quá hạn trên 3 năm</b>				
Trần Văn Hùng	147.011.700	-	147.011.700	-
Hoo Hing.,Ltd	712.403.100	-	660.477.240	-
Khách hàng khác	79.291.973	-	70.003.103	-
	<b>947.254.565</b>	<b>4.273.896</b>	<b>877.492.043</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn VND	Nợ phải thu, cho vay dài hạn VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2018	(877.492.043)	-	(877.492.043)
Trích lập dự phòng	(65.488.626)	-	(65.488.626)
Tại ngày 31/12/2018	<b>(942.980.669)</b>	-	<b>(942.980.669)</b>

### 5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.698.412.066	-	11.072.340.504	-
Công cụ, dụng cụ	324.426.600	-	210.000.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.058.589.597	-	2.599.910.629	-
Thành phẩm	19.801.205.648	-	8.107.815.751	-
Hàng gửi đi bán	1.608.198.018	-	2.318.121.374	-
	<b>36.490.831.929</b>	-	<b>24.308.188.258</b>	-

### 5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

#### 5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí sửa chữa	733.940.489	1.639.934.321
Chi phí khác	71.134.964	326.434.363
	<b>805.075.453</b>	<b>1.966.368.684</b>

#### 5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Quyền sử dụng đất có thời hạn (*)	5.946.146.329	3.274.236.525
	<b>5.946.146.329</b>	<b>3.274.236.525</b>

(\*) Đây là chi phí tiền thuê đất khu công nghiệp và được cấp quyền sử dụng đất sau ngày có hiệu lực đất đai năm 2003.

### 5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2018	62.516.426.873	48.310.496.349	2.577.429.709	113.404.352.931
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.252.295.698	11.048.551.035	177.624.000	12.478.470.733



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
Giảm do thanh lý	-	(668.825.055)	-	(668.825.055)
Tại ngày 31/12/2018	63.768.722.571	58.690.222.329	2.755.053.709	<b>125.213.998.609</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2018	28.596.225.653	21.704.066.183	1.604.645.696	51.904.937.532
Khấu hao trong năm	3.866.585.874	6.264.586.185	338.300.638	10.469.472.697
Giảm do thanh lý	-	(653.724.159)	-	(653.724.159)
Tại ngày 31/12/2018	32.462.811.527	27.314.928.209	1.942.946.334	<b>61.720.686.070</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2018	33.920.201.220	26.606.430.166	972.784.013	61.499.415.399
Tại ngày 31/12/2018	31.305.911.044	31.375.294.120	812.107.375	<b>63.493.312.539</b>
<b>Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:</b>				
Tại ngày 01/01/2018	3.000.365.907	8.132.288.616	584.038.800	11.716.693.323
Tại ngày 31/12/2018	3.000.365.907	11.630.712.067	584.038.800	<b>15.215.116.774</b>

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách tại ngày 31/12/2018 là 19.515.197.774VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (tại ngày 01/01/2018: 22.086.643.718 tỷ đồng)

**5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	01/01/2018 VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm VND	31/12/2018 VND
Dây chuyền sấy dẻo Bán thành phẩm	850.668.205	1.606.306.116	(2.456.974.321)	-
Nhà kho mới Sa Giang II	1.818.181.818	2.337.283.045	-	4.155.464.863
Máy ép bún tự động	501.776.310	271.955.000	(773.731.310)	-
Tư vấn khảo sát địa hình	72.727.273	-	-	72.727.273
Máy đóng gói	570.000.000	-	(570.000.000)	-
Hệ thống sấy bột	-	212.580.800	-	212.580.800
Các công trình khác	-	8.677.765.102	(8.677.765.102)	-
	<b>3.813.353.606</b>	<b>13.105.890.063</b>	<b>(12.478.470.733)</b>	<b>4.440.772.936</b>

**5.10 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	01/01/2018 VND	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm VND	31/12/2018 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ			
- Chi phí dự phòng nợ phải thu	39.628.634	(39.628.634)	-
- Chi phí hoàn nguyên	401.955.830	-	401.955.830
- Dự phòng trợ cấp mất việc	424.102.375	(15.644.930)	408.457.445

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	01/01/2018	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND
- Lãi chưa thực hiện	68.370.835	(42.815.326)	25.555.509
<b>5.11 Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>934.057.674</b>	<b>(98.088.890)</b>	<b>835.968.784</b>

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Thiên Minh Phúc	553.409.230	886.493.520
Công ty CP Sách - Thiết Bị Đồng Tháp	111.575.706	24.552.000
<b>Phải trả các đối tượng khác</b>		
Công ty TNHH SX TM DV Kiệt Thành	590.809.890	960.848.020
Công ty TNHH SX TM Bao Bì Tân Tiến Phát Tài	1.896.218.773	582.602.478
Các nhà cung cấp khác	5.720.498.466	4.541.052.231
	<b>8.872.512.065</b>	<b>6.995.548.249</b>

**5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2018	31/12/2018	01/01/2018
	USD	VND	VND
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>			
KK Food Trading Co.,LTD	13.889,00	321.599.795	787.505.018
AMITRADING	10.812,00	250.514.040	-
Easy Asia Trading AB	15.252,00	354.303.960	-
HONG FAT	14.671,08	340.280.737	-
ASIA MART	11.940,00	277.903.500	-
Oriental Merchant Europe	-	-	740.792.250
THC Trade Limited	-	-	272.100.000
Các khách hàng khác	(i)	679.683.901	1.829.445.840
		<b>2.224.285.933</b>	<b>3.629.843.108</b>

(i) Trong đó, khách hàng có số nguyên tệ gốc USD là 25.718,81 USD tương đương 594.241.563 VND

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2018	Số phát sinh trong năm		31/12/2018
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.244.469.414	5.762.854.553	(5.814.046.178)	2.193.277.789
Thuế thu nhập cá nhân	28.705.160	1.584.015.947	(1.180.958.960)	431.762.147
Tiền thuê đất	-	187.540.607	(187.540.607)	-
Các loại thuế khác	-	28.009.975	(28.009.975)	-
	<b>2.273.174.574</b>	<b>7.562.421.082</b>	<b>(7.210.555.720)</b>	<b>2.625.039.936</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các sản phẩm xuất khẩu là 0%; bán nội địa là 10%.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Các khoản thu nhập khác được tính theo thuế suất phổ thông là 20%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:**

	2018 VND	2017 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>28.835.834.333</b>	<b>37.510.993.286</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		232.416.083
- Các khoản điều chỉnh tăng	596.660.425	1.263.498.321
- Các khoản điều chỉnh giảm	(618.221.993)	(1.031.082.238)
Thu nhập chịu thuế	28.814.272.765	37.743.409.369
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>28.814.272.765</b>	<b>37.743.409.369</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>5.762.854.553</b>	<b>7.548.681.874</b>

*Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Trích trước chi phí thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	394.086.415	571.130.475
Chi phí cước tàu	-	159.169.880
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	294.324.571	266.283.094
	<b>688.410.986</b>	<b>996.583.449</b>

**5.15 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>		
Thành viên chủ chốt – Tiền thưởng vượt kế hoạch	-	1.749.544.803
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>		
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	140.868.675
Kinh phí công đoàn	103.607.620	99.584.673
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	675.417.707	566.680.697
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	7.462.671	144.123.614
	<b>786.487.998</b>	<b>2.700.802.462</b>

(i) Trong đó, số tiền nhận ký cược, ký quỹ bằng USD là 9.417 USD tương đương 217.956.465 VND.

**5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn các tổ chức khác</b>				
Vay ngắn hạn ngân hàng	33.420.291.335	33.420.291.335	11.552.858.455	11.552.858.455
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (a)	7.004.582.480	7.004.582.480	-	-
- CN Sa Đéc - VND				
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đồng Tháp - VND	(b)26.415.708.855	26.415.708.855	11.552.858.455	11.552.858.455
	<b>33.420.291.335</b>	<b>33.420.291.335</b>	<b>11.552.858.455</b>	<b>11.552.858.455</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2018 VND	Số tiền vay phát sinh trong năm VND	Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá VND	Số tiền vay đã trả trong năm VND	31/12/2018 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng					
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sa Đéc - VND	-	17.965.470.530	23.018.030	(10.983.906.080) (a)	7.004.582.480
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đồng Tháp - VND	11.552.858.455	68.305.252.738	570.243.327	(54.012.645.665) (b)	26.415.708.855
	<b>11.552.858.455</b>	<b>86.270.723.268</b>	<b>593.261.357</b>	<b>(64.996.551.745)</b>	<b>33.420.291.335</b>

(a) Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/644295/HĐTD được ký kết ngày 04 tháng 12 năm 2018

Hạn mức : 20.000.000.000 VND (Bao gồm VND và Ngoại tệ tương đương)  
 Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động  
 Thời hạn vay : 4 tháng  
 Lãi suất vay : 3,2%/ năm đối với USD  
 Hình thức đảm bảo : Đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, nhà xưởng, công trình kiến trúc của nhà máy bánh phồng tôm Sa Giang tọa lạc Lô II-C3, KCN C, xã Tân Quy Đông, TP.Sa Đéc, Đồng Tháp theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 878672991700101

Số dư tại ngày 31/12/2018 301.402 USD tương đương 7.004.582.480 VND

(b) Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 14/2018/NHNT.ĐT được ký kết ngày 05 tháng 09 năm 2018

Hạn mức : 40.000.000.000 VND (Bao gồm VND và Ngoại tệ tương đương)  
 Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động  
 Thời hạn vay : 12 tháng  
 Lãi suất vay : 3,4%/ năm đối với USD  
 Hình thức đảm bảo : Đảm bảo một phần bằng tài sản sau: Công trình xây dựng là nhà máy bánh phồng tôm tại Lô III-2 và lô III-3, Khu A1, KCN Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp giá trị còn lại của tài sản ngày 31/12/2018 là 19.515.197.774 VND

Số dư tại ngày 31/12/2018 1.136.893 USD tương đương 26.415.708.855 VND

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.17 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	01/01/2018	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi, từ thiện	2.559.159.350	3.879.728.617	(5.287.650.656)	1.151.237.311
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	1.171.290.734	-	(119.261.880)	1.052.028.854
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	3.775.000	100.000.000	(90.453.197)	13.321.803
	<b>3.734.225.084</b>	<b>3.979.728.617</b>	<b>(5.497.365.733)</b>	<b>2.216.587.968</b>

**5.18 Dự phòng phải trả dài hạn**

	01/01/2018	Số sử dụng trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.120.511.875	(78.224.650)	2.042.287.225
Chi phí hoàn nguyên	2.009.779.151	-	2.009.779.151
	<b>4.130.291.026</b>	<b>(78.224.650,0)</b>	<b>4.052.066.376</b>

**5.19 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")**

**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH	Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Năm trước</b>					
Tại ngày 01/01/2017	71.475.800.000	291.290	15.962.558.817	29.238.413.745	116.677.063.852
Lãi trong kỳ	-	-	-	29.831.071.807	29.831.071.807
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	(22.872.256.000)	(22.872.256.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.862.253.718)	(2.862.253.718)
Trích lập quỹ thưởng Hội đồng quản trị	-	-	-	(1.749.544.803)	(1.749.544.803)
Trích lập quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Tại ngày 31/12/2017	<b>71.475.800.000</b>	<b>291.290</b>	<b>15.962.558.817</b>	<b>31.085.431.031</b>	<b>118.524.081.138</b>
<b>Năm nay</b>					
Tại ngày 01/01/2018	71.475.800.000	291.290	15.962.558.817	31.085.431.031	118.524.081.138
Lãi trong năm	-	-	-	22.974.890.890	22.974.890.890
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	(25.016.530.000)	(25.016.530.000)
Tạm chia cổ tức	-	-	-	(10.721.370.000)	(10.721.370.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.979.728.617)	(3.979.728.617)
Tại ngày 31/12/2018	<b>71.475.800.000</b>	<b>291.290</b>	<b>15.962.558.817</b>	<b>14.342.693.304</b>	<b>101.781.343.411</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG**

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà Nước	35.657.590.000	49,89	35.657.590.000	49,89
Trần Thị Thanh Thúy	15.069.730.000	21,08	9.085.350.000	12,71
Phạm Thanh Hoa	3.500.000.000	4,90	3.500.000.000	4,90
Phạm Hồng Thịnh	2.338.390.000	3,27	2.269.390.000	3,18
Phạm Thanh Hùng	2.380.580.000	3,33	1.841.380.000	2,58
Các Cổ đông khác	12.529.510.000	17,53	19.122.090.000	26,75
	<b>71.475.800.000</b>	<b>100,00</b>	<b>71.475.800.000</b>	<b>100,00</b>

**Cổ phiếu**

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.147.580	7.147.580
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.147.580	7.147.580
• Cổ phiếu phổ thông	7.147.580	7.147.580
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.147.580	7.147.580
• Cổ phiếu phổ thông	7.147.580	7.147.580
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

**Phân phối lợi nhuận**

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 27 tháng 04 năm 2018:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	25.016.530.000
• Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, xã hội từ thiện	3.879.728.617
• Trích lập quỹ khen thưởng Ban điều hành	100.000.000

Trong năm Công ty đã chia tạm ứng cổ tức 15%/cổ phiếu từ lợi nhuận 2018 bằng tiền mặt cho cổ đông theo Nghị quyết số 06/NQ.HĐQT.18 ngày 08 tháng 11 năm 2018

	VND
• Tạm ứng cổ tức cho các cổ đông	10.721.370.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính không có cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**5.20 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**5.20.1 Ngoại tệ các loại**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Dollar Mỹ (USD)	107.855,91	106.278,39
Euro (EUR)	1.135,85	1.084,42

**5.20.2 Nợ khó đòi đã xử lý**

	Nguyên nhân xóa sổ	31/12/2018	01/01/2018
Cửa hàng Tạp hóa Hải Yến	Không có khả năng thu hồi do không còn cư trú hoạt động ở địa phương	29.380.825	29.380.825
Các khách hàng khác	Không có khả năng thu hồi	330.400.345	330.400.345
		<b>359.781.170</b>	<b>359.781.170</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**6.1.1 Tổng doanh thu**

	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán thành phẩm	288.749.082.119	290.693.354.021
Doanh thu khác	9.092.040	38.725.159
	<b>288.758.174.159</b>	<b>290.732.079.180</b>

**6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

		2018 VND	2017 VND
Công ty TNHH TM TP Phong Phú	Bán thành phẩm - Bánh phồng tôm, bún gạo	23.249.470.074	20.065.321.686
Cửa hàng Sa Giang	Bán thành phẩm - Bánh phồng tôm, bún gạo	13.036.782.199	14.231.995.886
Công ty CP Sách Và Thiết Bị Đồng Tháp	Bán hàng - Nước uống	5.131.845	5.272.760
		<b>36.291.384.118</b>	<b>34.302.590.333</b>

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

		2018 VND	2017 VND
Chiết khấu thương mại		187.285.620	109.090.909
Hàng bán bị trả lại		79.875.323	663.937.251
Giảm giá hàng bán		-	1.193.132.877
		<b>267.160.943</b>	<b>1.966.161.037</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**6.3 Giá vốn hàng bán**

	2018 VND	2017 VND
Giá vốn thành phẩm	236.563.861.655	227.515.794.100
Giá vốn khác	47.279.621	49.919.432
	<b>236.611.141.276</b>	<b>227.565.713.532</b>

**6.4 Doanh thu hoạt động tài chính**

	2018 VND	2017 VND
Lãi tiền gửi	15.023.242	318.048.222
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	523.802.384	451.574.244
	<b>538.825.626</b>	<b>769.622.466</b>

**6.5 Chi phí hoạt động tài chính**

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	655.485.889	872.554.619
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	542.449.221	256.962.803
	<b>1.197.935.110</b>	<b>1.129.517.422</b>

**6.6 Chi phí bán hàng**

	2018 VND	2017 VND
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	9.705.214.947	9.641.706.614
Chi phí xúc tiến thương mại	642.818.223	664.048.711
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	813.882.786	504.329.449
Chi phí bán hàng khác	2.463.142.075	3.027.485.264
	<b>13.625.058.031</b>	<b>13.837.570.038</b>

**6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.234.733.301	5.051.208.470
Chi phí khấu hao tài sản cố định	332.231.820	332.231.818
Thuế, phí và lệ phí	42.068.520	142.578.402
Chi phí dự phòng/ (hoàn nhập)	62.787.275	(1.094.294.888)
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.076.020.185	5.279.452.616
	<b>9.747.841.101</b>	<b>9.711.176.418</b>

**6.8 Thu nhập khác**

	2018 VND	2017 VND
Lãi thanh lý tài sản	212.171.832	-
- Thu thanh lý tài sản cố định	227.272.727	-
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	(15.100.895)	-



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	2018 VND	2017 VND
Nhập vật tư thừa do kiểm kê	706.817.958	271.526.509
Cho thuê mặt bằng, điện nước	27.051.533	-
Thu tiền hỗ trợ	126.940.039	-
Các khoản thu nhập khác	34.819.004	328.490.359
	<b>1.107.800.366</b>	<b>600.016.868</b>
<b>6.9 Chi phí khác</b>		
	2018 VND	2017 VND
Lỗ thanh lý tài sản	-	230.584.433
- <i>Giá trị còn lại của tài sản cố định</i>	-	230.584.433
Tiền phạt chậm nộp thuế	1.400.000	-
Bán phế liệu	73.519.604	-
Vật tư thiếu do kiểm kê	26.501.218	-
Chi phí khác	18.408.535	150.002.348
	<b>119.829.357</b>	<b>380.586.781</b>
<b>6.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
	2018 VND	2017 VND
<b>Chênh lệch tạm thời được khấu trừ</b>	<b>490.444.451</b>	<b>656.198.025</b>
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(127.777.542)	(341.854.171)
Phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	618.221.993	998.052.196
<b>Chênh lệch tạm thời chịu thuế TN hoãn lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong kỳ	<b>20%</b>	<b>20%</b>
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	123.644.398	199.610.439
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(25.555.508)	(68.370.834)
	<b>98.088.890</b>	<b>131.239.605</b>
<b>6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
	2018 VND	2017 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>22.974.890.890</b>	<b>29.831.071.807</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(3.979.728.617)
<b>Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>22.974.890.890</b>	<b>25.851.343.190</b>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	7.147.580	7.147.580
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>3.214</b>	<b>3.617</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**6.12 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	170.955.082.048	144.387.544.981
Chi phí nhân công	47.974.632.170	49.219.403.406
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.350.210.817	8.930.454.010
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.255.312.442	17.680.700.491
Chi phí khác	23.895.581.933	27.944.629.209
	<b>271.430.819.410</b>	<b>248.162.732.097</b>

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	2018 VND	2017 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	86.270.723.268	68.637.388.425
	<b>86.270.723.268</b>	<b>68.637.388.425</b>

**7.2 Tiền trả nợ gốc vay**

	2018 VND	2017 VND
Tiền trả nợ vay theo kế ước thông thường	64.996.551.745	83.565.185.496
	<b>64.996.551.745</b>	<b>83.565.185.496</b>

**6 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, dài hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**i. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá trị ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu, chi phí thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác đồng tiền hạch toán của Công ty).

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

### ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

### Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

### Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

### iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Cộng VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>			
Các khoản vay và nợ	33.420.291.335	-	33.420.291.335
Phải trả người bán	8.872.512.065	-	8.872.512.065
Chi phí phải trả	688.410.986	-	688.410.986
Các khoản phải trả, phải nộp khác	682.880.378	-	682.880.378
	<b>43.664.094.764</b>	<b>-</b>	<b>43.664.094.764</b>
<b>Ngày 01 tháng 01 năm 2018</b>			
Các khoản vay và nợ	11.552.858.455	-	11.552.858.455
Phải trả người bán	6.995.548.249	-	6.995.548.249
Chi phí phải trả	996.583.449	-	996.583.449
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.460.349.114	-	2.460.349.114
	<b>22.005.339.267</b>	<b>-</b>	<b>22.005.339.267</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty đã thế chấp nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, đất đai của mình vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.8).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2018 và 01/01/2018.

**iv. Giá trị hợp lý**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Ngày 01 tháng 01 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Ngày 01 tháng 01 năm 2018
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản phải thu				
Phải thu khách hàng	33.115.344.505	25.822.242.140	33.115.344.505	25.822.242.140
Phải thu các bên liên quan	3.958.431.309	4.754.978.792	3.958.431.309	4.754.978.792
Các khoản phải thu khác	157.663.328	26.437.000	157.663.328	26.437.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.626.216.647	20.277.284.341	5.626.216.647	20.277.284.341
<b>Tổng cộng</b>	<b>42.857.655.789</b>	<b>50.880.942.273</b>	<b>42.857.655.789</b>	<b>50.880.942.273</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
Vay và nợ	33.420.291.335	11.552.858.455	33.420.291.335	11.552.858.455
Phải trả người bán	8.872.512.065	6.995.548.249	8.872.512.065	6.995.548.249
Chi phí phải trả	688.410.986	996.583.449	688.410.986	996.583.449
Phải trả khác	682.880.378	2.460.349.114	682.880.378	2.460.349.114
<b>Tổng cộng</b>	<b>43.664.094.764</b>	<b>22.005.339.267</b>	<b>43.664.094.764</b>	<b>22.005.339.267</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 01 tháng 01 năm 2018 Ban Tổng Giám đốc đã trình bày giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này bằng với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

**7 THÔNG TIN BỘ PHẬN**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính chủ yếu là theo khu vực địa lý.

**Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động chủ yếu của Công ty là sản xuất bánh phồng tôm các loại.

**Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty có hoạt động kinh doanh xuất khẩu và tiêu thụ nội địa

Năm 2018	Hoạt động xuất khẩu VND	Tiêu thụ nội địa VND	Cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	159.072.200.894	129.418.812.322	288.491.013.216
Chi phí bộ phận	(141.888.737.722)	(94.722.403.554)	(236.611.141.276)
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>17.183.463.172</b>	<b>34.696.408.768</b>	<b>51.879.871.940</b>
Chi phí không phân bổ			(23.372.899.132)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>28.506.972.808</b>
Thu nhập hoạt động tài chính			538.825.626
Chi phí hoạt động tài chính			(1.197.935.110)
Thu nhập khác			1.107.800.366
Chi phí khác			(119.829.357)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(5.762.854.553)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(98.088.890)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>22.974.890.890</b>
Năm 2017	Hoạt động xuất khẩu VND	Tiêu thụ nội địa VND	Cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	159.896.002.295	128.869.915.848	288.765.918.143
Chi phí bộ phận	(134.137.813.268)	(93.427.388.335)	(227.565.713.532)
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>25.758.189.027</b>	<b>35.442.527.513</b>	<b>61.200.204.611</b>
Chi phí không phân bổ			(23.548.746.456)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>37.651.458.155</b>
Thu nhập hoạt động tài chính			769.622.466
Chi phí hoạt động tài chính			(1.129.517.422)
Thu nhập khác			600.016.868
Chi phí khác			(380.586.781)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(7.548.681.874)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Năm 2017	Hoạt động xuất khẩu	Tiêu thụ nội địa	Cộng
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(131.239.605)
	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<b>29.831.071.807</b>
<b>8</b>	<b>CÁC THÔNG TIN KHÁC</b>		
<b>8.1</b>	<b>Giao dịch và số dư với các bên liên quan</b>		
	Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.		
<b>8.2</b>	<b>Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt</b>		
	Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.		
	Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.		
	<b>Các giao dịch chủ yếu khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:</b>		
		<b>2018</b>	<b>2017</b>
		VND	VND
	Hội đồng quản trị - Cổ tức được chia	2.388.920.000	1.430.489.600
	Ban kiểm soát - Cổ tức được chia	44.100.000	28.224.000
	Ban tổng giám đốc - Cổ tức được chia	252.700.000	161.728.000
	<b>Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt</b>		
	Không có các khoản công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong thuyết minh tại ngày 31/12/2018		
	<b>Tiền lương và tiền thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt</b>		
		<b>2018</b>	<b>2017</b>
		VND	VND
	Tiền lương	2.298.810.082	2.368.344.753
	Thù lao	588.486.415	708.400.000
		<b>2.887.296.497</b>	<b>3.076.744.753</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**8.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác****Giao dịch với các bên liên quan khác**

Trong năm các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2018 VND	2017 VND
<b>Công ty TNHH Thương mại Thực phẩm Phong Phú</b>		
- Bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.249.470.068	20.065.321.686
<b>Công ty CP Sách-Thiết bị Đồng Tháp</b>		
- Bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.131.845	5.272.760
- Mua hàng và nhận cung cấp dịch vụ	707.968.961	317.166.025
<b>Công ty TNHH Thiên Minh Phúc</b>		
- Mua hàng và nhận cung cấp dịch vụ	3.258.864.940	3.535.746.900
<b>Cửa hàng Sa Giang</b>		
- Bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.036.782.198	14.231.995.886
<b>Công nợ với các bên liên quan khác</b>		

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các bên liên quan như sau:

	2018 VND	2017 VND
<b>Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty TNHH TM Thực Phẩm Phong Phú	3.495.058.109	3.808.698.641
Công ty CP Sách Và Thiết Bị Đồng Tháp	-	500.005
Cửa hàng Sa Giang	463.373.200	945.780.146
<b>Phải trả tiền mua hàng</b>		
Công ty TNHH Thiên Minh Phúc	553.409.230	886.493.520
Công ty CP Sách - Thiết Bị Đồng Tháp	111.575.706	24.552.000

**8.4 Trình bày lại số liệu so sánh**

Công ty trình bày lại thông tin về Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2017 do điều chỉnh lại số liệu trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017 theo Biên bản họp đại hội đồng cổ đông năm 2018 ngày 27 tháng 04 năm 2018.

**Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Mã số	2017 Số liệu đã trình bày VND	Điều chỉnh tăng/ (giảm) VND	2017 Số liệu trình bày lại VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.174	(557)	3.617

5-002-  
TY  
HỮU HẠN  
AN  
NAM  
ANH  
HỢ  
P. CÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 8.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



**NGUYỄN VĂN SANG**

Người lập biểu



**NGUYỄN NGỌC HUYỀN TRANG**

Kế toán trưởng



**NGUYỄN VĂN KIÊM**

Tổng Giám đốc

Sa Đéc, ngày 18 tháng 02 năm 2019

